TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 179/2017/DS-PT Ngày: 27 - 10 - 2017 V/v đòi tài sản, chia tài sản sau ly hôn, hợp đồng cầm cố và hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2017 về việc "Đòi tài sản, chia tài sản sau ly hôn, hợp đồng cầm cố và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2017/QĐPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1957 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tiến D - Sinh năm 1959 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.Ông Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1940 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.
Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ: Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2017) (Có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng: Luật sư Trịnh Thanh Liệt, Văn phòng luật sư Trịnh Thanh Liệt - Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).
2. Ông Nguyễn Văn D – sinh năm 1964 (Có mặt)
3. Ông Mạc Văn L – sinh năm 1964 (Vắng mặt)
4. Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1931 (Vắng mặt)
Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C: Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1957. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2017 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau

5. Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1930 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

6. Ủy ban nhân dân huyện C;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phúc G – Chủ tịch (Vắng mặt).

7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C. Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn N - Phó giám đốc (Theo văn bản ủy quyền số 11/UQ-NHNo-CN ngày 25/9/2017) (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Q – Nguyên đơn.
- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Tiến D đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tuyên bố không công nhận là vợ chồng tại bản án số 48/2012/HNGĐ -ST ngày 27 tháng 4 năm 2012 và buộc ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng phần tài sản ông D và bà Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết tại bản án nêu trên.

Bà Q xét thấy ông D không có tài sản gì để có thể đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên sau khi không còn chung sống, bà Q cho ông D mượn 02 công đất trong số 04 công đất tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng mà bà Q nhận chuyển nhượng của ông Mạc Văn L ở cùng ấp vào năm 1997 với giá 14 chỉ vàng 24K. Phần đất này chưa chuyển tên quyền sử dụng đất cho bà Q mà đứng tên ông Nguyễn Văn Đ (cậu ruột ông L và cũng là chú ruột bà Q). Tuy nhiên, sau khi nhận đất canh tác, ông D vẫn không thực hiện cấp dưỡng nuôi con mà còn lấy thêm 02 công đất còn lại của bà cầm cố cho ông Nguyễn Văn D với giá 07 chỉ vàng 24K vào năm 2014 nên phát sinh tranh chấp.

Ngoài ra, bà Q còn có 01 phần phần đất diện tích 05 công tầm lớn cùng ấp mua của ông Nguyễn Văn C (cha ruột bà Q) vào năm 1996 với giá 10 chỉ vàng 24K, phần đất này cũng do ông Nguyễn Văn Đ (em ruột ông Chuộng, chú ruột bà Q) đứng tên Giấy CNQSDĐ hiện chưa chuyển tên cho bà Q. Bà Q xác định 02 phần đất có tổng diện tích 09 công tầm lớn là tài sản riêng của bà vì bà đã mua trước khi ông D về sống chung với bà. Nay bà Q yêu cầu ông Nguyễn Tiến D phải trả lại cho bà phần đất có diện tích 04 công tầm lớn tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau hiện do ông D đang quản lý, canh tác. Tại phiên tòa bà Q xác định bà đã lấy lại phần đất này canh tác từ tháng 6 năm 2016 đến nay và yêu cầu ông D trả lại đất và không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ông D không thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Quyết. Ông D cho rằng ông và bà Q chung sống với nhau vào năm 1991, khi về chung sống với

nhau, vợ chồng có mua của bà Nguyễn Thị Út Nhỏ (Cô ruột bà Q) 01 phần đất có diện tích 05 công tầm lớn với giá 3,5 chỉ vàng 24K. Đến năm 2003, vợ chồng ông có mua thêm 01 phần đất của ông Mạc Văn L có diện tích 04 công tầm lớn, khi mua đất ông có viết giấy ký tên vào giấy mua bán nhưng bên vợ ông không cho ông đứng tên nên ông để cho bà Q ký tên vào giấy mua bán đất. Ông D thừa nhận có cố đất cho ông Nguyễn Văn D với số vàng là 07 chỉ vàng 24K, hiện phần đất này ông Nguyễn Văn D chưa canh tác được vì xảy ra tranh chấp với bà Q. Nay bà Q yêu cầu ông trả lại đất ông không đồng ý. Ông D xác định 02 phần đất có diện tích 09 công đất tầm lớn ở ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau là tài sản chung của vợ chồng. Nay ông D yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 09 công đất tầm lớn mà vợ ông đang quản lý một phần và ông đang quản lý một phần. Tại phiên tòa ông D xác định bà Q đã lấy lại đất và đang canh tác trên đất như bà Q trình bày và ông chỉ yêu cầu chia đất là tài sản chung của vợ chồng ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông xác định ông có cố đất của ông D như ông D và bà Q trình bày. Tuy nhiên khi cố đất của ông D thì ông D có đưa bản án ly hôn và ông cũng thấy ông D và bà Q đều đã quản lý mỗi người 01 phần đất từ năm 2012 đến khi ông cố đất là 03 năm. Nay do ông D và bà Q có tranh chấp với nhau và trên thực tế ông cũng không canh tác được. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D trả lại cho ông số vàng cố đất là 07 chỉ vàng 24K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông Đ xác định cả hai phần đất mà ông D, bà Q đang quản lý, sử dụng là đất của ông. Phần đất 04 công đất mà ông D, bà Q mua của Mạc Văn L là ông Đ cho em ruột của ông Đ là bà Nguyễn Thị Út Lớn mượn canh tác, hiện nay bà Út Lớn đã chết, sau đó Mạc Văn L là con út của bà Út Lớn đã tự ý lấy đất của ông Đ sang bán cho ông D, bà Q, khi đó ông Đ đã đứng ra ngăn cản, nhưng sau đó hai bên tiếp tục sang bán với nhau ông Đ không hay. Đối với phần đất 05 công tầm lớn mà ông D, bà Q mua lại của ông Nguyễn Văn C là cha ruột của bà Q là đất của ông Đ cho em ruột là bà Nguyễn Thị Út Nhỏ mượn canh tác, sau đó bà Út Nhỏ tự ý sang bán lại cho cho ông Nguyễn Văn C rồi ông C bán lại cho bà Q ông Đ cũng không hay. Việc bà Q và ông D canh tác trên đất từ trước đến nay mà ông Đ không có tranh chấp là vì ông Đnghĩ bà Q và ông D là con cháu trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên ông để cho canh tác sinh sống. Hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ đã thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C để vay số tiền là 49.000.000 đồng. Nay bà Q và ông D tranh chấp với nhau làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, ông Đ xác định đất là của ông nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà Q phải trả đất lại cho ông

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C trình bày: Ông Nguyễn Văn Đ có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ để vay số

tiền là 49.000.000 đồng, khi vay ông Đ luôn thực hiện đúng hợp đồng nên Ngân hàng không có ý kiến và yêu cầu gì với ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C trình bày: Trước đây cha mẹ ông có 01 phần đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Khi còn sống cha mẹ ông C đã chia phần đất này cho 06 anh em của ông C, những người được chia đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong. Riêng phần đất mà ông Nguyễn Văn Đ đứng tên là bao gồm luôn cả phần của Nguyễn Thị Út Lớn (đã chết) và Nguyễn Thị Út Nhỏ (đã chết) là vợ của Nguyễn Văn Thanh. Khi còn sống bà Út Nhỏ có bán phần đất mà bà Út Nhỏ được chia cho ông C, sau đó ông C bán lại cho con là Nguyễn Thị Q, khi ông C bán đất cho bà Q ông C không có cho ông Đ hay, giấy mua bán đất có xác nhận của chính quyền địa phương. Nay ông C yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mạc Văn L trình bày: Trước đây mẹ ông là bà Nguyễn Thị Út Lớn khi còn sống đã được ông bà cho 01 phần đất có diện tích 04 công đất tầm lớn, phần đất mà mẹ ông L được chia nằm trong phần đất mà ông Nguyễn Văn Đ đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông L có hỏi ông Đ để bán phần đất này thì ông Đ không đồng ý, ông Đ có nói là có bán thì bán trong thân tộc nên ông mới bán cho bà Q, khi bán đất ông không có cho ông Đ hay nên ông Đ không có ký vào giấy bán đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày: Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Tiên là cha vợ của ông Thanh để lại cho vợ ông là Nguyễn Thị Út Nhỏ và chị vợ là Nguyễn Thị Út Lớn quản lý canh tác. Việc ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào ông không biết. Phần đất của bà Út Nhỏ được cho là 05 công tầm lớn, sau khi được cho đất vì không có điều kiện canh tác nên vợ chồng ông Thanh giao phần đất này lại cho ông C với giá 02 chỉ vàng 24K và ông C phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho vợ chồng ông Thanh, về mặt giấy tờ thì ghi để hợp thức hóa chứ vợ chồng ông Thanh không có nhận vàng của ông C. Ông Thanh xác định Tờ nhượng đất không ngày tháng năm 1994 có xác nhận của ấp B ngày 09 tháng 01 năm 1995 là ông không có viết và cũng không có nhượng đất cho ông C mà vợ ông yêu cầu ghi tên ông trong giấy nhượng đất để ông C tin tưởng vì đất này là của bà Út Nhỏ, ông không có quyền gì với phần đất này. Còn việc ông C, ông L bán đất cho bà Q ông không biết. Nay ông D và bà Q xảy ra tranh chấp ông không có ý kiến. Đồng thời ông từ chối tham gia tố tụng vì hiện tại ông đã tuổi cao, sức yếu đi lại khó khăn và ông cũng không có nghĩa vụ gì trong vụ án này.

Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 01 năm 2016 ông Dũng, bà Q, ông D và ông Đ thống nhất xác định giá đất tại địa phương là 01 cây vàng 24K/ 01 công đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Căn cứ các điều 26; 28; 35; 39; 147; 157, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 33; 43;59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

Các điều 158; 165; 166; 236; 309; 315; 357; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các điều 166; 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q đối với ông Nguyễn Tiến D về việc yêu cầu ông Nguyễn Tiến D trả lại cho bà 04 công đất tầm lớn, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bác toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Tiến D đối với bà Nguyễn Thị Q về việc buộc bà Nguyễn Thị Q chia đôi phần đất 09 công đất tầm lớn là tài sản chung của vợ chồng, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Tiến D về việc yêu cầu ông D và bà Q trả lại 09 công đất tầm lớn. Buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho ông Nguyễn Văn Đ phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 11.796,3m^2. Đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (phần đất hiện do bà Nguyễn Thị Q đang quản lý, sử dụng), phần đất vị trí tứ cận như sau:

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Gia cạnh M_1M_2 dài 111,5 mét;

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Vện do ông Phạm Thái Nguyên và bà Nguyễn Thị Q đang quản lý cạnh M_3M_4 dài 111 mét;

+ Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn D cạnh M_2B dài 42,6 mét và giáp đất ông Phạm Thái Nguyên cạnh BM_3 dài 109 mét;

+ Hướng Tây giáp kinh Ba Sánh cạnh M_4M_5 dài 41 mét; M_5M_6 dài 10,5 mét; cạnh M_6M_7A dài 23,5 mét; cạnh AM_1 dài 52,6 mét;

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Tiến D phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.797.500 đồng.

Đối với số tiền nêu trên, kể từ ngày bà Q có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông D không thi hành xong thì ông D còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành án.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Tiến D về việc ông Nguyễn Tiến D đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn D 07 chỉ vàng 24K là vàng cố đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc xem xét thẩm định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/7/2017, bà Nguyễn Thị Q kháng cáo với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu xác minh thực tế, công nhận phần đất cho bà.

Ngày 20/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước kháng nghị với nội dung đề nghị hủy án sơ thẩm do phần đất tranh chấp có liên quan đến ông Nguyễn Văn Dện nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông Dện vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước.

Bà Q không tranh luận.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Đ tranh luận: Sơ đồ đo vẽ của phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện phần đất tranh chấp có phần đất của ông Vện, ông Vện có yêu cầu đo vẽ để xác định lại phần đất của ông Vện. Đề nghị áp dụng Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự dừng phiên tòa để đo vẽ xác định lại phần đất tranh chấp, không cần phải hủy án sơ thẩm. Nếu không chấp nhận kiến nghị thì đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm vì bà Q thừa nhận đất đang tranh chấp do bà Út Lớn, Út Nhỏ chuyển nhượng nhưng những người này không có giấy tờ hợp pháp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, đưa ông Nguyễn Văn Vện và ông Đặng Thái Nguyên vào tham gia tố tụng. Hủy bản án sơ thẩm, do hủy án nên đề nghị không xem xét kháng cáo của bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Theo sơ đồ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện phần đất tranh chấp chỉ nằm trong quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ một phần theo thửa 230, giáp thửa 229 có phần đất tranh chấp nhưng quá trình đo đạc thẩm định cấp sơ thẩm không xác định tổng diện tích tranh chấp thuộc thửa số mấy và nằm trong quyền sử dụng đất của ai, phần đất có trong thửa 229 có ai tranh chấp hay không. Khi bản án được xét xử xong thì Viện kiểm sát huyện Cái Nước thu thập được tài liệu chứng minh một phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 229 do ông Nguyễn Văn Dện (Nguyễn Văn Vện) kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Dện có ý kiến đề nghị được tham gia tố tụng do phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giao phần đất của ông cho ông Đ, ông không đồng ý.

Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm không xác định được diện tích phần đất tranh chấp 11.796,3m^2 có thuộc quyền sử dụng đất của ông Đ được cấp hay không mà nhận định *"Phần đất này là của ông Đ được nhà nước thừa nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp"*. Bản án sơ thẩm quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Tiến D về việc yêu cầu ông D và bà Q trả lại 09 công đất tầm lớn. Buộc bà Nguyễn Thị Q trả cho ông Nguyễn Văn Đ phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 11.796,3 m^2 tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (phần đất hiện do bà Nguyễn Thị Q đang quản lý, sử dụng) là chưa có cơ sở vững chắc.

[2] Ngoài ra theo lời trình bày của bà Q và ông D (BL 26, 234) trên phần đất tranh chấp có trồng 24 cây dừa trên 20 năm tuổi. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Q xác định trên đất tranh chấp hiện nay còn 16 cây dừa và rất nhiều cây bạch đàn không đếm được, phía ông Đ cũng thừa nhận trên phần đất tranh chấp có trồng dừa và cây bạch đàn nhưng không rõ bao nhiêu cây. Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 25/9/2015 của Tòa án cấp sơ thẩm không thể hiện có cây trồng trên đất (BL 69), khi giải quyết lại cần xem xét ghi nhận thực tế và ghi nhận yêu cầu của đương sự như thế nào để có cơ sở giải quyết theo quy định chung.

[3] Đối với ý kiến của Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để đo đạc lại phần đất tranh chấp. Tại phiên tòa ông Dện yêu cầu đo đạc lại nếu phần đất thuộc quyền sử dụng của ông thì ông không đồng ý giao trả cho người khác. Xét đề nghị của Luật sư thấy rằng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dện và văn bản số 150/CNVPĐKĐĐ ngày 19/7/2017 kèm theo sơ đồ bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác định, đều thể hiện có một phần đất tranh chấp trong quyền sử dụng đất của ông Dện, ông Dện cũng không đồng ý giao đất này cho người nào khác. Xét thấy, nếu đo đạc lại xác định có phần đất tranh chấp trong quyền sử dụng đất của ông Dện đi nữa thì cũng không giải quyết được vụ án một cách đầy đủ và triệt để. Do đó không có cơ sở chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Do cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ chưa ghi rõ kết quả xem xét là vi phạm khoản 4 Điều 68, khoản 2 Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vấn đề này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải hủy bản án sơ thẩm.

[4] Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị khi giải quyết lại vụ án cần đưa ông Phạm Thái Nguyên vào tham gia tố tụng. Vấn đề này quá trình thụ lý lại, cấp sơ thẩm xem xét ông Nguyên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết tranh chấp như thế nào và quyết định đưa hoặc không đưa ông Nguyên vào tham gia tố tụng.

Do hủy án nên không xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Cái Nước, hủy bản án sơ thẩm.

[5] Án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị Q không phải chịu, được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau để thụ lý xét xử lại theo thủ tục chung.

Án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị Q không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003680 ngày 17/7/2017 tại Chi cục Thi hành án huyện C được nhận lại.

Bản án phúc phẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà